

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29-3-2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Văn Hùng;

2. Bà Lâm Thị Kim Xuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy – Thư ký Tòa án.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 112/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Trúc L, sinh năm 1985;

- Bị đơn: Ông Ngô Văn B, sinh năm 1977;

Cùng địa chỉ: Số H, Ấp Ô, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và trong quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn bà Bùi Thị Trúc L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Trúc L với ông Ngô Văn B xác lập quan hệ vợ chồng có tổ chức lễ cưới năm 2003 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện M, tỉnh Long An ngày 02/11/2007. Đời sống chung vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, nhưng đến tháng 5 năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông B tụ tập cờ bạc, không chăm lo phụ giúp kinh tế gia đình, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau; vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2023. Bà L yêu cầu được ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà L với ông B có hai con chung tên Ngô Thị Ngọc Y, sinh ngày 29/12/2003 và Ngô Minh Q, sinh ngày 25/01/2006; đều đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà L xác định không có nợ chung với ông B.

Bị đơn ông Ngô Văn B vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà sơ thẩm, bà Bùi Thị Trúc L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến như đã trình bày. Bị đơn ông B vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tố tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Bùi Thị Trúc L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Ngô Văn B. Căn cứ theo Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tố tụng là “Tranh chấp ly hôn”, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Bị đơn ông Ngô Văn B vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ theo Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Nguyên đơn bà L yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân; không tranh chấp về con chung, cấp dưỡng, tài sản chung và thừa nhận không có nợ chung với bị đơn. Bị đơn ông B không có yêu cầu phản tố trong vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chỉ xem xét đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giải quyết hậu quả theo quy định pháp luật.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn thì bà L và ông B xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện M, tỉnh Long An vào ngày 02/11/2007 là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L với ông B là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau; vợ chồng đã sống ly thân nhau. Ông B không đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng và vắng mặt tại các phiên tòa. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà L với ông B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà L đối với ông B.

[5] Về con chung và cấp dưỡng: Theo Giấy khai sinh và sự thừa nhận của đương sự thì bà L với ông B có 02 con chung tên Ngô Thị Ngọc Y, sinh ngày 29/12/2003 và Ngô Minh Q, sinh ngày 25/01/2006; đều đã thành niên và có khả năng lao động để tự nuôi mình nên không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về nợ chung: Bà L xác định không có nợ chung với ông B nên không xem xét.

[8] Về án phí: Bà Bùi Thị Trúc L phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 53, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Bùi Thị Trúc L đối với ông Ngô Văn B.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Trúc L được ly hôn với ông Ngô Văn B.

- Về con chung: Bà Bùi Thị Trúc L với ông Ngô Văn B có 02 con chung tên Ngô Thị Ngọc Y, sinh ngày 29/12/2003 và Ngô Minh Q, sinh ngày 25/01/2006; đều đã thành niên.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Đương sự trình bày không có nợ chung.

2. Về án phí: Bà Bùi Thị Trúc L phải chịu 300.000 đồng; chuyên tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo Biên lai số 0003071 ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường sang thi hành án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Bùi Thị Trúc L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Ngô Văn B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Văn Hùng

Lâm Thị Kim Xuyên

Nguyễn Văn Phương